

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỌ XUÂN  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2023/HS-ST  
Ngày 29 - 11 - 2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đăng Thiện

Ông Nguyễn Văn Sâm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2023;

Đối với các bị cáo:

1. **Lê Văn H**, sinh ngày 13/10/1978 tại: Xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Q, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn S (đã chết) và bà Trần Thị L (đã chết); Có vợ là Võ Thị T và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 02/6/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân xử phạt 25 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/12/2016. Bị bắt tạm giữ ngày 09/6/2023, chuyển tạm giam từ ngày 17/6/2023 đến nay; Có mặt.

2. **Trịnh Văn T1**, sinh ngày 11/10/1989 tại: Xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Q, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Văn T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T3; Có vợ là Lữ Thị Q và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 19/5/2014 bị Tòa án nhân dân

huyện Thọ Xuân xử phạt 06 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt là 12 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/02/2015. Bị bắt tạm giam từ ngày 20/6/2023 đến nay; Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Võ Thị T, sinh năm 1982, địa chỉ: Thôn Q, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

2. Lê Văn H1, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

3. Ngô Thị H2, sinh năm 1974, địa chỉ: Thôn Q, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

4. Ngô Văn C, sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

5. Hà Thanh T4, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

6. Ngô Văn T5, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

7. Ngô Văn T6, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

8. Lữ Đăng Q1, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn C Y, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 50 phút ngày 09/6/2023, tổ công tác Công an huyện T tiến hành kiểm tra phát hiện Lê Văn H cất giấu 01 gói nilon màu đen, bên trong là một lớp giấy màu trắng, trong lớp giấy màu trắng có chất bột màu trắng hồng dạng cục vụn tại nhà của mình ở thôn Q, xã X, huyện T. H khai nhận là ma túy cất giấu để bán cho đối tượng nghiện. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản thu giữ, niêm phong vật chứng trong phong bì ký hiệu M; thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia gắn thẻ sim số thuê bao 0971.037.642 và số tiền 1.000.000 đồng.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Văn H, Cơ quan điều tra thu giữ: 05 điện thoại di động; 03 thẻ sim V; 01 xe máy nhãn hiệu Honda không gắn biển kiểm soát; 01 gói giấy kẻ ôli màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn, nghi là ma túy (được niêm phong trong phong bì kí hiệu M1); 01 cân tiểu ly; số tiền 29.850.000 đồng; 01 kéo bấm; các mảnh nilon và giấy ôli.

Về nguồn gốc số ma túy H khai nhận: Ngày 30/5/2023, H nghĩ cách mua ma túy về để bán kiếm lời nên đã sử dụng điện thoại số thuê bao 0971.002.720 và 0971.037.642 gọi vào số thuê bao 0367.457.782 của Trịnh Văn T1 hỏi T1 về nơi

mua ma túy. T1 biết rõ mục đích H mua ma túy về bán, sẵn có số điện thoại của người đàn ông dân tộc bán ma túy đã quen trước đó, nên T1 đã đồng ý giúp H đi mua ma túy, lúc này T1 đang ở xã C, huyện C. Chiều ngày 30/5/2023, T1 đón xe khách về nhà tại thôn Q, xã X, huyện T. Đến hơn 01 giờ ngày 31/5/2023 thì H gọi điện hẹn T1 và điều khiển xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 36D1-509.23 đến đón T1 tại nhà ở thôn Q, xã X. T1 chở H đi đến Km 88 thuộc xã N, huyện Q thì đi vào đường vành đai biên giới. Khi đến cầu C, xã N, huyện Q, T1 sử dụng điện thoại của H gọi điện cho người đàn ông dân tộc hỏi mua 5.000.000 đồng ma túy loại Heroine. Người này đồng ý và bảo T1 chờ, khoảng 30 phút sau người này đi bộ đến. Tại đây, H đưa cho T1 5.000.000 đồng, T1 cầm tiền lại đưa cho người đàn ông và nhận một bọc nilon màu đen cùng 02 viên nén màu hồng là ma túy. Sau khi nhận ma túy, người này yêu cầu T1 bẻ sim và vớt tờ giấy đã ghi số điện thoại đã liên lạc. Sau khi làm theo yêu cầu, người này đi bộ vào ven rừng còn T1, H đi xe máy về nhà H. Về đến nhà, H cắt cho T1 một ít ma túy vừa mua được để T1 sử dụng và trả công cho T1 1.000.000 đồng. Sau đó T1 về nhà rồi bắt xe lên C.

Ngày 10/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 188/QĐ-TCGD, trưng cầu giám định Phòng K Công an tỉnh T giám định hai gói giấy nghi chứa chất ma túy thu giữ của Lê Văn H. Tại Bản kết luận giám định số 2260/KL-KTHS ngày 16/6/2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Chất bột màu trắng hồng được niêm phong trong phong bì kí hiệu M gửi giám định có trọng lượng 0,046g là ma túy, loại: Methamphetamine, heroine; Chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn được niêm phong trong phong bì kí hiệu M1 gửi giám định có trọng lượng 0,067g là ma túy loại: Heroine.

Ngày 19/6/2023, Trịnh Văn T1 đến Công an huyện T đầu thú và khai nhận là người đã giúp Lê Văn H mua ma túy vào ngày 31/5/2023 tại xã N, huyện Q. Khám xét khẩn cấp người, chỗ ở của Trịnh Văn T1, Cơ quan điều tra thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 gắn thẻ sim số thuê bao 0367.457.782.

Sau khi mua được ma túy, H sử dụng dao lam, kéo, giấy, túi nilon và cân tiểu ly phân chia ma túy thành nhiều gói nhỏ để bán, cụ thể:

- Khoảng 08 giờ ngày 08/6/2023, Ngô Văn T6 (sinh năm 1987 trú tại thôn H, xã T, huyện T) sử dụng điện thoại số thuê bao 0978.044.249 gọi vào số thuê bao 0971.037.642 của H hỏi mua 01 gói ma túy. Hòa đồng ý và hẹn T6 đến phía sau nhà mình giao ma túy. Khi đến nơi thì T6 gọi lại cho H, H đi bộ ra gặp T6 giao ma túy và nhận 500.000 đồng.

- Khoảng 08 giờ ngày 09/6/2023, Ngô Văn T5 (sinh năm 1990, trú tại thôn H, xã T, huyện T) sử dụng điện thoại số thuê bao 0978.044.249 gọi vào số thuê bao 0971.037.642 của H hỏi mua 02 gói ma túy. Hòa đồng ý, hẹn T5 đến phía sau nhà mình giao ma túy. Khi đến nơi T5 gọi lại cho H, H đi bộ ra gặp T5 giao ma túy và nhận 1.000.000 đồng.

- Khoảng 08 giờ ngày 09/6/2023, Lữ Đăng Q1 (sinh năm 1990, tại thôn C Y, xã T, huyện T) sử dụng điện thoại số thuê bao 0961.363.248 gọi vào số thuê bao 0971.037.642 của H hỏi mua 01 gói ma túy. Hòa đồng ý và hẹn Q1 giao ma túy ở

phía sau nhà H. Khi Q1 đi đến nơi, Q1 gọi lại cho H, thì H đi bộ ra gặp Q1 giao ma túy và nhận 500.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ 30 phút ngày 09/6/2023, Q1 lại gọi điện cho H hỏi mua 02 gói ma túy, Hòa đồng ý. Quyết đến điểm hẹn ở phía sau nhà H để nhận ma túy. Sau khi bán ma túy cho Q1 và nhận 1.000.000 đồng, H đi về nhà thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện bắt quả tang, thu giữ số tiền 1.000.000 đồng; 01 gói nilon chứa chất bột màu trắng ngà dạng cục vụn và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia gắn thẻ sim số thuê bao 0971.037.642 của H.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra có thu giữ của Lữ Đăng Q1 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu xanh, gắn thẻ sim số thuê bao 0961.363.248; thu giữ của Ngô Văn T5 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, loại bàn phím vỏ màu xanh, gắn thẻ sim số thuê bao 0978.044.249.

Ngày 26/7/2023, Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ thư tín, điện tín các số thuê bao đã thu giữ có liên quan đến vụ án, kết quả xác định: Số thuê bao 0971.002.720 (của H) có phát sinh các cuộc gọi với số thuê bao 0367.457.782 (của T1) vào các ngày 30/5/2023 và 31/5/2023; Số thuê bao 0971.037.642 (của H) có phát sinh các cuộc gọi với số điện thoại của Ngô Văn T5, Ngô Văn T6 và Lữ Đăng Q1 vào các ngày 08/6/2023 và 09/6/2023, các lần liên lạc đều ổn định tại một nơi, là ở xã X, huyện T.

Đối với xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 36D1-509.23 H sử dụng đi mua ma túy, ngày 04/6/2023 H đã bán cho một người đàn ông không quen biết làm nghề thu mua sắt vụn giá 6.000.000 đồng. Hiện tại không xác định được người đã mua xe máy của H.

Về người đàn ông bán ma túy cho H và T1. Quá trình điều tra H, T1 khai báo không biết tên, địa chỉ; T1 gặp người này ở chợ phiên thuộc xã N, huyện Q vào khoảng tháng 5/2023. Người này cho T1 số điện thoại ghi vào một tờ giấy và bảo khi nào cần mua ma túy thì gọi. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không có kết quả.

Đối với số tiền 29.850.000 đồng; 01 xe máy nhãn hiệu Honda không gắn biển kiểm soát (đăng ký xe mang tên chị Võ Thị T); 04 điện thoại di động; 03 thẻ sim Viettel và các đồ vật, tài liệu thu giữ trong quá trình điều tra xác định không liên quan đến tội phạm, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Vật chứng vụ án gồm: Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định; số tiền 1.000.000 đồng; 05 điện thoại di động; 09 mảnh nilon màu đen; 01 kéo bấm bằng kim loại; 01 lược lam hiệu “CROMA”; 01 mảnh giấy oli; 01 cân tiểu ly. Hiện đang được quản lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 74/CT-VKSTX ngày 25/10/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố: Bị cáo Lê Văn H về tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; Bị cáo Trịnh Văn T1 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lê Văn H và Trịnh Văn T1 đều thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ hành

vi phạm tội của mình. Các bị cáo không có ý kiến gì về Kết luận giám định.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử,

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; Bị cáo Trịnh Văn T1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự;

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Văn T1 từ 30 tháng đến 36 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Truy thu bị cáo Trịnh Văn T1 1.000.000 đồng; Truy thu bị cáo Lê Văn H 2.000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu, tiêu hủy đối với: Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định; 09 mảnh nilon màu đen; 01 kéo bấm bằng kim loại; 01 lưỡi lam hiệu “CROMA”; 01 mảnh giấy oli và 01 cân tiểu ly.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với 05 chiếc điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động loại bàn phím, vỏ màu vàng, bề mặt có chữ Nokia, gắn thẻ sim số thuê bao 0971.037.642 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 vỏ màu nâu xám, gắn thẻ sim số thuê bao 0971.002.720, thu giữ của bị cáo Lê Văn H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, gắn thẻ sim số thuê bao 0367.457782 thu giữ của bị cáo Trịnh Văn T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu xanh, gắn thẻ sim số thuê bao 0961.363.248 thu giữ của Lữ Đăng Q1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, loại bàn phím vỏ màu xanh, gắn thẻ sim số thuê bao 0978.044.249 thu giữ của Ngô Văn T5.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không tranh luận. Lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt và được hưởng mức án thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Văn H và Trịnh Văn T1 tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám xét, Kết luận giám định, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Ngày 09/6/2023 Lê Văn H có hành vi cất giấu 0,046g ma túy loại: Methamphetamine, H3 và 0,067g ma túy loại: Heroin trên người và chỗ ở tại thôn Q, xã X, huyện T nhằm mục đích bán kiếm lời, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T phát hiện bắt quả tang. Trước đó Lê Văn H đã có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Ngô Văn T6 01 lần vào ngày 08/6/2023 lấy số tiền 500.000 đồng; bán cho Ngô Văn T5 01 lần vào ngày 09/6/2023 lấy số tiền 1.000.000 đồng; bán cho Lữ Đăng Q1 02 lần vào ngày 09/6/2023 lấy số tiền 1.500.000 đồng.

Trịnh Văn T1 được Lê Văn H nhờ đi mua ma túy, biết rõ mục đích của H là mua ma túy về bán kiếm lời, nhưng vào ngày 31/5/2023 Trịnh Văn T1 đã có hành vi giúp sức cho Lê Văn H4 đi mua ma túy, loại: Heroin của một người đàn ông không quen biết tên, địa chỉ tại xã N, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa với số tiền 5.000.000 đồng, nhưng không xác định được trọng lượng. Số ma túy mua được Lê Văn H đã đem về nhà cất giấu, chia nhỏ bán cho các đối tượng nghiện, số còn lại 0,046g ma túy loại: Methamphetamine, H3 và 0,067g ma túy loại: Heroin thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T phát hiện bắt quả tang, thu giữ.

Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội là do cố ý. Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Văn H đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Trịnh Văn T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây nên tâm lý hoang mang, bất bình trong nhân dân. Tệ nạn về ma túy không những làm hủy hoại đến sức khỏe, mà còn là điều kiện làm nảy sinh, lan truyền đại dịch HIV/AIDS. Tội phạm về ma túy còn là nguyên nhân làm phát sinh các tội phạm, tệ nạn xã hội khác, đã và đang làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế, xã hội và an ninh trật tự. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song vì háms lợi, muốn có tiền để tiêu xài, đã bất chấp pháp luật phạm tội. Vì vậy, cần thiết phải xử lý vụ án

nghiêm minh, xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù, bắt cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian, như vậy mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo, cũng như đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Vụ án không có tính tổ chức, mà chỉ là trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó: Bị Lê Văn H giữ vai trò chính trong vụ án và phải chịu trách nhiệm độc lập về hành vi đã bán trái phép chất ma túy cho nhiều người; bị cáo Trịnh Văn T1 chỉ phải chịu trách nhiệm về hành vi giúp sức cho Lê Văn H trong việc đi mua ma túy, mặc dù biết rõ mục đích của H là mua ma túy về bán kiếm lời, nên T1 chỉ phải chịu trách nhiệm ở vai trò sau trong vụ án.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Lê Văn H đã 01 lần bị Tòa án kết án phạt tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Trịnh Văn T1 01 lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, các bị cáo đều đã chấp hành xong hình phạt và đã đương nhiên được xóa án tích.

[6] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Văn H và Trịnh Văn T1 đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Văn H và Trịnh Văn T1 đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trịnh Văn T1 đã ra đầu thú, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: Các bị cáo Lê Văn H và Trịnh Văn T1 không phải chịu tình tiết tăng nặng, mà đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự, nên cần xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội. Vì vậy, chỉ cần thiết xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù, với mức án như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đảm bảo được tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Đối với thời gian các bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam được tính vào thời gian chấp hành hình phạt cho các bị cáo. Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập; hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về số tiền do phạm tội mà có: Đối với số tiền 3.000.000 đồng Lê Văn H thu lợi bất chính do bán trái phép chất ma túy mà có, cần truy thu để sung vào ngân sách nhà nước, tuy nhiên xét trong quá trình điều tra đã thu giữ của bị cáo H số tiền 1.000.000 đồng, nên cần khấu trừ vào số tiền truy thu. Như vậy, số tiền còn lại cần phải truy thu từ bị cáo H là 2.000.000 đồng. Bị cáo Trịnh Văn T1 giúp sức cho bị cáo H trong việc đi mua ma túy, được bị cáo H trả công 1.000.000 đồng, đây là tiền do phạm tội mà có, nên cần truy thu của bị cáo T1.

[11] Về vật chứng vụ án:

- Đối với toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định, được đựng trong phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng K Công an tỉnh T phát hành, là vật cấm lưu hành, nên cần cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với: 09 mảnh nilon màu đen; 01 kéo bấm bằng kim loại; 01 lưới lam hiệu “CROMA”; 01 mảnh giấy oli; 01 cân tiểu ly, thu giữ khi khám xét nhà bị cáo Lê Văn H, bị cáo H sử dụng liên quan đến tội phạm, xét không còn giá trị, không sử dụng được nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 05 chiếc điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động loại bàn phím, vỏ màu vàng, bề mặt có chữ Nokia, gắn thẻ sim số thuê bao 0971.037.642 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 vỏ màu nâu xám, gắn thẻ sim số thuê bao 0971.002.720, thu giữ của bị cáo Lê Văn H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, gắn thẻ sim số thuê bao 0367.457782 thu giữ của bị cáo Trịnh Văn T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu xanh, gắn thẻ sim số thuê bao 0961.363.248 thu giữ của Lữ Đăng Q1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, loại bàn phím vỏ màu xanh, gắn thẻ sim số thuê bao 0978.044.249 thu giữ của Ngô Văn T5. Xác định đây là công cụ, phương tiện phạm tội hoặc là tài sản có liên quan đến tội phạm, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Toàn bộ vật chứng trên hiện đang được quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

#### [12] Về tình tiết liên quan vụ án:

- Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho H và T1. Quá trình điều tra H, T1 khai báo không biết tên, địa chỉ. Thao gặp người này ở chợ phiên thuộc xã N, huyện Q vào khoảng tháng 5/2023. Người này cho T1 số điện thoại ghi vào một tờ giấy và bảo khi nào cần mua ma túy thì gọi. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không có kết quả, nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với: Hà Thanh T4, Ngô Văn T5, Ngô Văn T6, Lữ Đăng Q1, Lê Văn H và Trịnh Văn T1 đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, vi phạm vào khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình, nên đã bị Công an huyện T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

- Đối với xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 36D1-509.23 H khai đã sử dụng đi mua ma túy, ngày 04/6/2023 H đã bán cho một người đàn ông không quen biết làm nghề thu mua sắt vụn giá 6.000.000 đồng. Hiện tại không xác định được người đã mua xe máy của H, nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với số tiền 29.850.000 đồng; 01 xe máy nhãn hiệu Honda không gắn biển kiểm soát (đăng ký xe mang tên chị Võ Thị T); 04 điện thoại di động; 03 thẻ sim Viettel và các đồ vật, tài liệu thu giữ trong quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.



[13] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Lê Văn H;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Trịnh Văn T1;

Căn cứ vào điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 293; khoản 1 Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn H và Trịnh Văn T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”,

- Xử phạt bị cáo Lê Văn H 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/6/2023.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T1 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/6/2023.

2. Về biện pháp tư pháp:

- Truy thu bị cáo Trịnh Văn T1 1.000.000 đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Lê Văn H 3.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ đi số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của bị cáo H, hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, theo Biên bản giao nhận vật chứng số 09 ngày 30/10/2023. Như vậy, số tiền còn lại cần truy thu từ bị cáo Lê Văn H là 2.000.000 đồng, sung vào ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy đối với: Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định, được đựng trong phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng K Công an tỉnh T phát hành (*Phong bì còn nguyên vẹn niêm phong và chỉ giao nhận dưới hình thức gói niêm phong*); 09 mảnh nilon màu đen; 01 kéo bấm bằng kim loại; 01 lưới lam hiệu “CROMA”; 01 mảnh giấy oli và 01 cân tiểu ly.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với 05 chiếc điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động loại bàn phím, vỏ màu vàng, bề mặt có chữ Nokia, gắn

thẻ sim số thuê bao 0971.037.642; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 vỏ màu nâu xám, gắn thẻ sim số thuê bao 0971.002.720; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, gắn thẻ sim số thuê bao 0367.457782; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S màu xanh, gắn thẻ sim số thuê bao 0961.363.248 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell, loại bàn phím vỏ màu xanh, gắn thẻ sim số thuê bao 0978.044.249.

Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, hiện trạng theo như Biên bản giao nhận vật chứng số 09 ngày 30/10/2023.

4. Về án phí: Các bị cáo Lê Văn H và Trịnh Văn T1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Tiến**